

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HS-PT

Ngày: 25 – 02 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thành Tân.

*Các Thẩm phán:* Ông Lâm Văn Năm;  
Ông Nguyễn Hữu Tuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Trần Kiến Toàn – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Quốc Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 172/2021/HSPT, ngày 17 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo T. Q. T do có kháng cáo của bị cáo T. Q. T và của bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2021/HS-ST, ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T. Ô, tỉnh Vĩnh Long.

*Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:*

**T. Q. T (tên gọi khác: T)**, sinh ngày 01/01/1977 tại tỉnh H. G. Nơi cư trú: ấp 4, xã X .P, huyện L. M, tỉnh H. G; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông T. P. B và bà V. T. L; có vợ T. T. H. N và 01 con sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

*Người bào chữa cho bị cáo:* ông Lưu Thanh Phong – là Luật sư của Văn phòng luật sư Ngọc Sơn, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long, bào chữa cho bị cáo cho bị cáo T. Q. T. Có mặt.

*Bị hại:*

1/ Anh **H. M. Đ**, sinh năm 1997. Có mặt.

Nơi cư trú: ấp Cống Đá, xã Thuận Thới, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Bà **N. T. H** (chết).

*Người đại diện hợp pháp của bị hại N. T. H:*

1/ Cụ **N. V. C**, sinh năm 1931. Vắng mặt.

2/ Cụ **N. T. T**, sinh năm 1947. Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: ấp T. P, xã T.B, huyện V. L, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Ông **H. M. P**, sinh năm 1973. Có mặt.

Nơi cư trú: ấp C. Đ, xã T. T, huyện T. Ô, tỉnh Vĩnh Long.

4./ Anh **H. M. Đ**, sinh năm 1997. Có mặt.

Nơi cư trú: ấp C. Đ, xã T. T, huyện T. Ô, tỉnh Vĩnh Long.

*Người đại diện của cụ C, cụ T, anh P, anh Đ là:* anh **D. T. D**, sinh năm 1987. Có mặt. Nơi cư trú: số 99, đường T. Đ, phường A. C, quận N. K, thành phố Cần Thơ. Là đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/01/2021 và ngày 13/5/2021)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại H. M. Đ và đại diện hợp pháp của bị hại N. T. H:* ông **H. C. T** – là Luật sư của Công ty Luật Hợp Danh Trung Phú Cần Thơ thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. Có mặt.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Bà **N.T. L**, sinh năm 1982. Có mặt.

Nơi cư trú: ấp 4, xã X. P, huyện L. M, tỉnh Hậu Giang.

Đối với những người tham gia tố tụng khác, cấp phúc thẩm không triệu tập.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/01/2021 bị cáo T. Q. T có giấy phép lái xe hạng C số 93013700569, do Sở Giao thông vận tải tỉnh Hậu Giang cấp ngày 04/02/2020 (có giá trị đến ngày 04/02/2025), điều khiển xe ô tô tải biển số 95C-050.27 từ huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang đến tỉnh Bến Tre để nhận chở hàng hóa. Khoảng 15 giờ cùng ngày xe lưu thông trên Quốc lộ 54, hướng từ thị trấn Trà Ôn về xã Hựu Thành, khi đến đoạn đường thuộc ấp Giồng Thanh Bạch, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, bị cáo T điều khiển xe ô tô tải vượt lên hướng bên trái của xe mô tô biển số 65B1-346.90 chạy phía trước cùng chiều, do anh H. M. Đ điều khiển

chở phía sau bà N. T. H (mẹ của Đ), khi xe ô tô tải vượt sắp qua khỏi xe mô tô 65B1-346.90, thì thùng xe ô tô tải bên phải va chạm vào tay cầm bên trái xe mô tô 65B1-346.90 làm xe mô tô bị ngã, bà H văng ra lộ, anh Đ bị ngã vào phía trong lề, anh Đ và bà H bị thương, được đưa đến Trung tâm y tế huyện T. Ô cấp cứu, đến khoảng 20 giờ cùng ngày bà N. T. H tử vong. Xe ô tô tải 95C-050.27 và xe mô tô 65B1-346.90 bị hư hỏng.

Theo biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 11/01/2021 xác định: hiện trường nơi xảy ra tai nạn là đoạn đường thẳng, đường hai chiều có vạch kẻ đường đứt nét, mặt đường làm bằng bê tông nhựa, tình trạng mặt đường phẳng, rộng 7.10m. Lề phải hướng từ thị xã B.M đến T. V làm lề chuẩn. Tâm vùng va chạm vào lề đường chuẩn là 2,9m.

Kết luận giám định pháp y tử thi số 23/KLGD-PC09 ngày 13/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Long kết luận:

1. Các dấu hiệu chính qua giám định: trong lòng thanh, khí quản lấp đầy dịch bọt màu đỏ sẫm; niêm mạc thanh quản, khí quản sung huyết, xuất huyết; vỡ xương sọ vùng thái dương trái; tụ máu dưới da đầu vùng thái dương trái; ra máu lỗ tai trái; miệng chảy ra nhiều dịch bọt màu đỏ hồng.

2. Nguyên nhân chết của bà N. T. H là do bít tắc đường hô hấp gây ngạt (hậu quả của chấn thương sọ não).

Bản kết luận nguyên nhân vụ tai nạn giao thông ngày 06/3/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T. Ô kết luận nguyên nhân vụ tai nạn giao thông xảy ra ngày 11/01/2021: bị cáo T. Q. T điều khiển xe ô tô tải biển số 95C-050.27 vượt, va chạm với xe mô tô biển số 65B1-346.90 đang chạy cùng chiều phía trước. Vi phạm khoản 2 Điều 14 của Luật Giao thông đường bộ năm 2008 là lỗi hoàn toàn trong vụ tai nạn. Cụ thể khoản 2 Điều 14 của Luật Giao thông đường bộ quy định: *“Xe xin vượt chỉ được vượt khi không có chướng ngại vật phía trước, không có xe chạy ngược chiều trong đoạn đường định vượt, xe chạy trước không có tín hiệu xin vượt xe khác và đã tránh về bên phải”*.

Theo biên bản kiểm tra nồng độ cồn của Công an huyện Trà Ôn vào ngày 11/01/2021 đối với bị cáo T. Q. T là 0,00mg/l.

**- Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng:**

+ 01 (một) xe ô tô tải biển số 95C-050.27 và 01 (một) xe mô tô biển số 65B1-346.90. Hiện Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T. Ô trả lại cho chủ sở hữu.

+ 01 (một) cục gù tay cầm bên trái của xe mô tô biển số 65B1-346.90 có dính sơn màu xanh.

**- Về trách nhiệm dân sự:**

+ Anh D. T. D (là đại diện theo ủy quyền của gia đình bị hại N. T. H) yêu cầu bồi thường các khoản chi phí gồm tiền viện phí điều trị, mai táng phí, tổn thất tinh thần. Tổng số tiền 246.904.000đ. Bị cáo T đồng ý bồi thường 140.000.000đ.

+ Anh H. M. Đ không yêu cầu giám định tỷ lệ thương tích sau vụ tai nạn giao thông ngày 11/01/2021. Yêu cầu bị cáo T bồi thường các khoản chi phí gồm: tiền viện phí điều trị, chi phí sửa xe, tiền mất thu nhập sau tai nạn, tổn thất tinh thần. Tổng số tiền là 31.349.850đ. Bị cáo T đồng ý bồi thường 12.249.850đ.

+ Xe ô tô tải, biển số 95C-050.27 do chị N. T. L đứng tên đăng ký chủ sở hữu, có tham gia bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của Công ty Cổ phần Bảo hiểm X. T. M. T; Hợp đồng số 20025907 ngày 17/4/2020 giá trị từ ngày 17/4/2020 đến ngày 17/4/2021. Bị cáo T yêu cầu Công ty bảo hiểm X. T Miền Tây bồi thường 100.000.000đ. Công ty Cổ phần Bảo hiểm X. T Miền Tây đồng ý bồi thường liên quan đến trách nhiệm dân sự trong vụ tai nạn giao thông 100.000.000đ.

+ Chị N. T. L (đứng tên sở hữu xe ô tô tải biển số 95C-050.27), giao xe cho bị cáo T điều khiển xe xảy ra tai nạn, chị L không có yêu cầu gì đối với bị cáo T.

+ Xe mô tô biển số kiểm soát 65B1-346.90 do H. M Đ mua lại từ ông L. V. P có lập hợp đồng mua bán, nhưng chưa làm thủ tục đăng ký, sang tên. Trong quá trình điều tra không làm việc được với ông P nên không đề cập xử lý, mà dành riêng một vụ kiện dân sự khác nếu có yêu cầu.

*Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2021/HS- ST, ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T. Ô, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:*

Tuyên bố bị cáo T. Q. T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 260; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ các Điều 584, 589, 590, 591 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 106, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ Tài Chính quy định quy tắc, điều khoản, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.

Xử phạt bị cáo T. Q. T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

### **Về trách nhiệm dân sự:**

1. Buộc bị cáo T. Q. T và chị N. T. L có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho gia đình bị hại N. T. H gồm cụ N. V. C, cụ N. T. T, ông H. M. P, anh H. M. Đ và anh H. M. T tổng số tiền là 142.604.000đ (*một trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm lẻ bốn ngàn đồng*), bao gồm: tiền viện phí điều trị 675.000đ, tiền thuê xe chở thi thể 1.500.000đ, mai táng phí (hàn, gương) 55.000.000đ, phí xây mộ 18.000.000đ, phí đám tang 22.729.000đ, tổn thất tinh thần 44.700.000đ. Được trừ 6.000.000đ (*sáu triệu đồng*) bị cáo Toàn nộp khắc phục tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Ô, còn lại 136.604.000đ (*một trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm lẻ bốn ngàn đồng*) buộc bị cáo T. Q. T và chị N. T. L có nghĩa vụ bồi thường tiếp.

Số tiền 6.000.000đ (*sáu triệu đồng*) bị cáo T đã nộp theo biên lai thu số 002587 ngày 25/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Ô, được giao trả cho người đại diện hợp pháp của bị hại là cụ N. V. C, cụ N. T. T, ông H. M. P, anh H. M. Đ và anh H. M T nhận.

2. Buộc bị cáo T. Q. T. và chị N. T. L có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh H. M. Đ tổng số tiền là 16.949.850đ (*mười sáu triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn tám trăm năm mươi đồng*), bao gồm tiền viện phí điều trị 1.049.850đ, chi phí sửa xe 1.000.000đ, tổn thất tinh thần 14.900.000đ.

3. Buộc Công ty Cổ phần Bảo hiểm X. T Miền Tây bồi thường liên quan đến trách nhiệm dân sự trong vụ tai nạn giao thông cho chị N. T. L số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*).

### **Về án phí sơ thẩm:**

Buộc bị cáo T. Q. T nộp 200.000đ (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo T. Q. T và chị N. T. L liên đới nộp 7.677.692đ (*bảy triệu sáu trăm bảy mươi bảy ngàn sáu trăm chín mươi hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc Công ty Cổ phần Bảo hiểm X. T Miền Tây nộp 5.000.000đ (*năm triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn xử lý về vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 12/11/2021, bị cáo T. Q. T có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Ngày 17/11/2021 đại diện bị hại H. M. P, H. M. Đ, N. V. C và N. T. T có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu bị cáo bồi thường tiền tổn thất tinh thần là 1.490.000đ x 100 lần = 149.000.000 đồng.

*Tại phiên tòa phúc thẩm Kiểm sát viên, bị cáo, H. M. P, H. M. Đ, N. V. C và N. T. T trình bày như sau:*

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:* tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung vụ án, nên cấp sơ thẩm xét xử bị cáo đúng người, đúng tội, không oan sai. Bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo. Hành vi của bị cáo là vượt xe của bị hại không đảm bảo an toàn dẫn đến tai nạn; lỗi hoàn toàn do bị cáo nên việc bị cáo xin hưởng án treo không được chấp nhận. Trong quá trình điều tra, bị cáo nộp số tiền 6.000.000 đồng để bồi thường cho phía bị hại, cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết giảm nhẹ này theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là thiếu sót. Tại cấp phúc thẩm bị cáo tiếp tục nộp số tiền 105.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn kháng cáo để giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Về điều luật và căn cứ áp dụng: đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 48 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T. Q. T 01 năm tù, về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Về bồi thường thiệt hại: ghi nhận việc bị cáo và bà N. T. L đồng ý bồi thường tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho phía bị hại số tiền 149.000.000 đồng, theo yêu cầu kháng cáo của phía nạn nhân.

*Bị cáo trình bày:* hành vi phạm tội đúng như nội dung vụ án; tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo đúng tội danh, không oan. Bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo, tại phiên tòa hôm nay bị cáo bổ sung kháng cáo vừa xin hưởng án treo vừa xin được giảm hình phạt, vì hoàn cảnh quá khó khăn. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo có nộp thêm số tiền 105.000.000 đồng để bồi thường cho phía bị hại.

Luật sư Lưu Thanh Phong phát biểu luận cứ bào chữa cho bị cáo T. Q. T: nội dung vụ án đã rõ ràng, tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, nên Luật sư không tranh luận về tội danh và điều luật áp dụng xử lý đối với bị cáo

Bị cáo kháng cáo vừa xin giảm hình phạt vừa xin hưởng án treo; xét thấy kháng cáo của bị cáo là có căn cứ; bởi lẽ: trong quá trình điều tra bị cáo đã ăn năn hối cải, nộp số tiền 6.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết này theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là thiếu sót; dù hoàn cảnh khó khăn nhưng trong giai đoạn phúc thẩm bị cáo tiếp tục nộp số tiền 105.000.000 đồng để bồi thường cho phía nạn nhân. Bản thân bị cáo là lao động

chính, có Cha là người có công với Cách mạng, tại phiên tòa hôm nay đại diện hợp pháp của bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo và cho bị cáo được hưởng án treo. Đối với phần bồi thường thiệt hại thì bị cáo và chủ xe đã đồng ý bồi thường theo yêu cầu của phía gia đình nạn nhân, nên Luật sư không có ý kiến.

Người đại diện ủy quyền của anh Đ, anh P, ông C và bà T có anh D. T. D trình bày vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo là yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho phía gia đình nạn nhân là 149.000.000 đồng, về trách nhiệm hình sự thì yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo và giảm hình phạt cho bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại H. M. Đ và đại diện hợp pháp của bị hại N. T. H: luật sư H. C. T trình bày bị cáo và chủ xe đã đồng ý bồi thường tiền bù đắp tổn thất tinh thần theo yêu cầu của phía gia đình nạn nhân, nên Luật sư đề nghị cấp phúc thẩm ghi nhận việc thỏa thuận này, để buộc bị cáo và chủ xe bồi thường tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho phía gia đình nạn nhân là 149.000.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà N. T. L trình bày: bà đứng tên trên Giấy đăng ký xe, bà đồng ý bồi thường tiền bù đắp tổn thất tinh thần số tiền 149.000.000 đồng cho phía nạn nhân; đồng thời, bà còn yêu cầu cho bị cáo T. Q. T được hưởng án treo, vì hoàn cảnh gia đình quá khó khăn.

*Bị cáo nói lời sau cùng:* bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận: ngày 11/01/2021, bị cáo điều khiển xe ô tô tải biển số 95C-050.27 lưu thông trên Quốc lộ 54 hướng từ thị trấn T. Ô về xã Hựu Thành thì va chạm xe mô tô biển số 65B1 – 346.90 do anh H. M. Đ điều khiển chở phía sau là bà H. Hậu quả làm bà H tử vong và anh Đ bị thương. Do đó, việc cấp sơ thẩm quy kết bị cáo T. Q. T, phạm vào tội: “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, khi bị cáo điều khiển xe ô tô tải từ thị trấn T. Ô về xã Hựu Thành, khi bị cáo vượt xe phía trước trong trường

hợp không đảm bảo an toàn, nên phần thùng xe bên phải xe của bị cáo đã va chạm vào tay cầm bên trái xe mô tô, làm xe anh Đ ngã dẫn đến bà H ngồi trên xe của anh Đ tử vong, anh Đ bị thương. Hành vi của bị cáo đã vi phạm vào khoản 2 Điều 14 của Luật Giao thông đường bộ năm 2008; việc làm này của bị cáo xâm phạm đến tính mạng của bị hại, gây đau thương mất mát cho gia đình bị hại không gì bù đắp được. Tình hình tai nạn giao thông hiện nay xảy ra càng ngày càng phức tạp có chiều hướng không giảm, do không chấp hành nghiêm luật giao thông, thể hiện ý thức xem thường pháp luật trong đó có bị cáo, cho nên cần bắt bị cáo chấp hành hình phạt nhằm giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo; đồng thời, còn răn đe những trường hợp tương tự có thể xảy ra, nhằm góp phần tích cực đấu tranh phòng chống tội phạm xảy ra ở địa phương.

[3] Khi quyết định hình phạt Tòa án sơ thẩm đã có xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện; ngoài các tình tiết giảm nhẹ cấp sơ thẩm đã áp dụng, còn có tình tiết mới đó là bị cáo đã nộp thêm được một số tiền để khắc phục hậu quả về vật chất, thể hiện bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải, đại diện hợp pháp cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt.

Riêng đối với việc bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo thì không được chấp nhận, bởi lẽ: lỗi trong vụ án thuộc hoàn toàn về bị cáo, do bị cáo vượt xe của phía bị hại trong trường hợp không đảm bảo an toàn; vì vậy, đối với bị cáo cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt, có như vậy mới đáp ứng được công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, góp phần lập lại trật tự an toàn giao thông. Qua phân tích này, cũng không chấp nhận lời đề nghị của Luật sư về việc cho bị cáo hưởng án treo.

[4] Xét kháng cáo của bị hại H. M. Đ và các đại diện hợp pháp của bị hại gồm N. V. C, N. T. T, H. M. P, có đại diện là anh D. T. D về việc yêu cầu phía bị cáo phải bồi thường tiền bù đắp tổn thất tinh thần số tiền 149.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo và chủ sở hữu xe là bà L đều đồng ý bồi thường tiền bù đắp tổn thất tinh thần với số tiền 149.000.000 đồng, theo yêu cầu kháng cáo của phía bị hại. Xét thấy việc thỏa thuận về bồi thường tiền bù đắp tổn thất tinh thần giữa bị cáo, chủ xe và phía bị hại là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, nên được cấp phúc thẩm ghi nhận để sửa án sơ thẩm về phần này.



Các phần bồi thường khác các bên không có kháng cáo, không bị kháng nghị cấp phúc thẩm không xét.

- Như vậy, phần bồi thường đối với bị hại N. T. H được xác định bao gồm các khoản như sau:

+ Tiền viện phí điều trị	675.000đ;
+ Tiền thuê xe chở thi thể nạn nhân	1.500.000đ;
+ Mai táng phí (hàn, gương, mua thực phẩm): 77.729.000đ (55.000.000đ +22.729.000đ);	
+ Chi phí xây mộ	18.000.000đ;
+ Tồn bù đắp tổn thất tinh thần	149.000.000đ.
Tổng cộng:	246.904.000đ.

- Phần anh H. M. Đ được bồi thường bao gồm các khoản;

+ Tiền viện phí	1.049.850đ;
+ Chi phí sửa xe	1.000.000đ;
+ Tồn thất tinh thần	14.900.000đ.

Tổng số tiền là 16.949.850đ.

- Đối với số tiền bị cáo nộp sẽ được giao cho phía người bị hại và gia đình bị hại để trừ vào phần phải bồi thường.

[5] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo; đồng thời, đề nghị ghi nhận sự tự nguyện giữa bị cáo, bà Láng và phía bị hại để buộc bị cáo và bà Láng bồi thường tiền bù đắp tổn thất tinh thần là có cơ sở, nên được chấp nhận.

Xét lời đề nghị của Luật sư về việc giảm hình phạt cho bị cáo, là có căn cứ và phù hợp với nhận định trên, nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về phần bồi thường thiệt hại, nên tính lại án phí dân sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị cáo T. Q. T, của bị hại, của đại diện hợp pháp của bị hại và sửa về hình phạt và phần bồi thường thiệt hại Bản án sơ thẩm số: 42/2021/HS-ST, ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T. Ô, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo T. Q. T (tên gọi khác: T) 01 (một) năm tù, về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

#### **Về bồi thường thiệt hại:**

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 589, 590, 591 và khoản 2 Điều 601 của Bộ luật Dân sự;

**1.** Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo T. Q. T và bà N. T. L với bị hại, đại diện bị hại; trong đó, bị cáo T. Q. T và bà N. T. L có nghĩa vụ bồi thường cho gia đình bị hại N. T. H gồm cụ N. V C, cụ N. T. T, ông H. M. P, anh H. M. Đ và anh H. M. T, có đại diện là anh D. T. D, bao gồm các khoản:

- + Tiền viện phí điều trị 675.000đ;
- + Tiền thuê xe chở thi thể 1.500.000đ;
- + Mai táng phí (hàn, gương, mua thực phẩm): 77.729.000đ (55.000.000đ +22.729.000đ);
- + Chi phí xây mộ 18.000.000đ;
- + Tiền bù đắp tổn thất tinh thần 149.000.000đ.

Tổng cộng: 246.904.000 đồng (hai trăm bốn mươi sáu triệu, chín trăm lẻ bốn ngàn đồng)

**2.** Buộc bị cáo T. Q. T và bà N. T. L có nghĩa vụ bồi thường cho anh H. M. Đ bao gồm các khoản;

- + Tiền viện phí 1.049.850đ;
- + Chi phí sửa xe 1.000.000đ;
- + Tổn thất tinh thần 14.900.000đ.

Tổng số tiền là 16.949.800đ (mười sáu triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn tám trăm đồng).

Giao cho N. V. C, N. T. T, ông H. M. P, anh H. M. Đ và anh H. M. T số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng) và 105.000.000đ (một trăm lẻ năm triệu đồng), do bị cáo T. Q. T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Ô theo các biên lai thu số 002587 ngày 25/6/2021 và số 0006261 ngày 05 tháng 01 năm 2022, để trừ vào số tiền phải bồi thường

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, khoản 2 Điều 23, Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo T. Q. T và bà N. T. L phải nộp 7.642.600 đồng (bảy triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 01;
- VKSND H.TO: 01;
- TAND H.TO: 02;
- CQTHADS H.TO : 01;
- CQTHAHS H.TO: 01;
- TG, BC: 02;
- BH+Đ/D BH:05;
- NGƯỜI LQ: 01;
- P HỒ SƠ-CAVL: 01;
- STP: 01;
- UBND xã X. P: 01;
- TNV+P KTNV:02;
- Lưu: 04 .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Lê Thành Tân**